

Số: 28/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Về chỉ tiêu biên chế hành chính, số người làm việc năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008 và Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Xét Tờ trình số 5411/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2019; báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt tổng chỉ tiêu biên chế hành chính, số người làm việc và hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, sự nghiệp của tỉnh Quảng Trị năm 2019 như sau:

1. Biên chế hành chính: 1.822 chỉ tiêu.
2. Số người làm việc: 16.824 chỉ tiêu, trong đó:
  - Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 13.324 chỉ tiêu;
  - Sự nghiệp y tế: 2.601 chỉ tiêu;
  - Sự nghiệp văn hóa - thể thao: 345 chỉ tiêu;
  - Sự nghiệp khác: 554 chỉ tiêu.
3. Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 249 chỉ tiêu.

4. Biên chế trong các tổ chức hội: 60 chỉ tiêu.
5. Số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp: 2.197 chỉ tiêu.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2. Nhiệm vụ, giải pháp:**

1. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, tổ chức lại bộ máy các cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch số 84-KH/TU ngày 27/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Kế hoạch số 86-KH/TU ngày 07/5/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã; thôn, bản, khu phố; cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, gắn với tinh giản biên chế.

2. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

Đến năm 2021 giảm ít nhất 10% biên chế được giao so với năm 2015. Lấy kết quả thực hiện tinh giản biên chế làm một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng đối với cơ quan, đơn vị và người đứng đầu của cơ quan, đơn vị. Không đê bạt, bỏ nhiệm cán bộ và xử lý nghiêm trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phụ trách công tác tổ chức, nhân sự thực hiện không có hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW tại cơ quan, đơn vị phụ trách. Kịp thời giải quyết chế độ, chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế.

3. Tiếp tục rà soát, cân đối biên chế hành chính, số người làm việc trong toàn tỉnh, để điều chỉnh hợp lý giữa các sở, ban, ngành, huyện, thành phố, thị xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ cấu lại hợp lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

4. Phê duyệt vị trí việc làm các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập sau khi kiện toàn sắp xếp lại tổ chức. Thực hiện việc tuyển dụng kịp thời đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn thiếu theo đúng quy định.

5. Thủ trưởng các cơ quan có đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công, kèm định mức kinh tế kỹ thuật, trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

và Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

6. Tăng cường phân cấp, ủy quyền trong quá trình thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục sai sót trong sử dụng biên chế, số người làm việc, tuyển dụng công chức, viên chức và hợp đồng lao động.

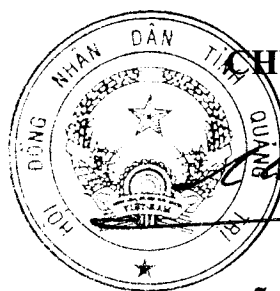
**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VII, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- TVTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH, TAND, VKSND tỉnh;
- VPTU, VPHĐND, VPUBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQ cấp huyện;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đài PT - TH tỉnh, Báo Quảng Trị;
- Lưu: VT, TH.



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hùng**



**PHỤ LỤC**  
**CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC**  
**VÀ HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC TRONG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2019**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018*  
*của HĐND tỉnh Quảng Trị về chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2019)*

TT	Đơn vị	Tổng số	Biên chế hành chính	Số người làm việc					Hợp đồng 68			Biên chế Hội	Hưởng lương từ nguồn thu SN
				Tổng	SNGD	SNYT	SN VHTT	SN khác	Tổng	HC	SN		
1	2	3=4+5+10+13	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14
<b>I</b>	<b>SỞ, BAN, NGÀNH</b>	<b>6.602</b>	<b>970</b>	<b>5.378</b>	<b>2.116</b>	<b>2.600</b>	<b>195</b>	<b>467</b>	<b>200</b>	<b>105</b>	<b>95</b>	<b>54</b>	<b>2.013</b>
1	Sở Công Thương	46	31	10				10	5	3	2		
2	Sở GD và ĐT	1.923	47	1.873	1873				3	2	1		24
3	Sở Giao thông VT	48	37	8				8	3	3			191
4	Sở Kế hoạch và ĐT	46	43						3	3			
5	Sở Khoa học và CN	62	33	26				26	3	3			33
5.1	Cơ quan Sở	24	22						2	2			
5.2	Chi cục Tiêu chuẩn, ĐLCL	12	11						1	1			
5.3	Các đơn vị SN trực thuộc Sở	26		26				26					33
6	Sở LĐ, TB và XH	190	40	128	35			93	22	3	19		26
7	Sở Nội vụ	76	55	12				12	9	6	3		
7.1	Cơ quan Sở	34	31						3	3			
7.2	Ban Thi đua - KT	10	8						2	2			
7.3	Ban Tôn giáo	11	10						1	1			
7.4	Chi cục Văn thư - LT	21	6	12				12	3		3		
8	Sở NN & PTNT	535	257	247	38			209	31	24	7		167
8.1	Cơ quan Sở	32	31						1	1			
8.2	Chi cục Kiểm lâm	165	148						17	17			
8.3	Chi cục TT và BVTV	38	13	24				24	1	1			
8.4	Chi cục Chăn nuôi và TY	46	11	33				33	2	2			32
8.5	Chi cục Thủy sản	29	11	17				17	1	1			
8.6	Chi cục Phát triển NT	19	18						1	1			
8.7	Chi cục Thủy lợi	14	13	1				1					
8.8	Chi cục QLCL NLS&TS	13	12						1	1			
8.9	Các đơn vị SN trực thuộc Sở	179		172	38			134	7		7		135
9	Sở Ngoại vụ	23	21						2	2			
10	Sở Tư pháp	44	25	16				16	3	2	1		20
11	Sở Tài chính	47	45						2	2			
12	Sở Tài nguyên và MT	111	47	57				57	7	4	3		188
12.1	Cơ quan Sở	30	28						2	2			
12.2	Chi cục Bảo vệ Môi trường	12	11						1	1			
12.3	Chi cục Biển, Hải đảo và Khí tượng thủy văn	9	8						1	1			
12.4	Các đơn vị SN trực thuộc Sở	60		57				57	3		3		188
13	Sở Thông tin và TT	28	22	3				3	3	3			9
14	Sở Văn hóa, TT và DL	198	36	138			129	9	24	4	20		94
15	Sở Xây dựng	33	30						3	3			35

TT	Đơn vị	Tổng số	Biên chế hành chính	Số người làm việc					Hợp đồng 68			Biên chế Hội	Hưởng lương từ nguồn thu SN
				Tổng	SNGD	SNYT	SN VHTT	SN khác	Tổng	HC	SN		
1	2	3=4+5+10+13	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14
16	Sở Y tế	2.693	55	2.600		2.600			38	5	33		977
16.1	Cơ quan Sở	31	29						2	2			
16.2	Chi cục DS-KHHGD	16	14						2	2			
16.3	Chi cục An toàn VSTP	13	12						1	1			
16.4	Các đơn vị SN trực thuộc Sở	2.633		2.600		2.600			33		33		977
17	Thanh tra tỉnh	31	28						3	3			
18	Văn phòng UBND tỉnh	71	43	14				14	14	14			36
19	Văn phòng HĐND tỉnh	32	25						7	7			
20	Ban Dân tộc	27	24						3	3			
21	BQL các khu KT	32	26						6	6			64
22	Trường Cao đẳng sư phạm	127		123	123				4		4		5
23	Trường Cao đẳng Y tế	47		47	47								14
24	Đài PT-TH tỉnh	58		57			57		1		1		45
25	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN												30
26	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông												30
27	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT												25
28	Tạp chí Cửa Việt	10		9			9		1		1		
29	Tổng đội TNXP	4		4				4					
30	TT Nghiên cứu PT&XTĐT (dự kiến thành lập 2019)	6		6				6					
31	Hội Chữ thập đỏ	14										14	
32	Hội Người mù	3										3	0
33	Hội Nhà báo	3										3	
34	Hội VHNT	7										7	
35	LH các Hội KHKT	6										6	
36	LH các TCHN	3										3	
37	LM HTX	18										18	
II	<b>HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ</b>	12.347	852	11.440	11.208	1	150	81	49	39	10	6	184
1	Thành phố Đông Hà	1.265	109	1.148	1.118		19	11	8	7	1		34
2	Thị xã Quảng Trị	482	76	399	379		13	7	7	3	4		11
3	Huyện Vĩnh Linh	1.565	93	1.466	1.444		13	9	6	4	2		20
4	Huyện Gio Linh	1.478	93	1.382	1.361		13	8	3	2	1		13
5	Huyện Triệu Phong	1.627	95	1.527	1.502		17	8	5	5			21
6	Huyện Hải Lăng	1.515	95	1.415	1.394		13	8	5	4	1		11
7	Huyện Cam Lộ	935	82	848	829		13	6	3	3		2	11
8	Huyện Đakrông	1.315	95	1.213	1.183		24	6	5	5		2	12
9	Huyện Hướng Hoá	2.134	99	2.029	1.996		24	9	4	4		2	51
10	Huyện Đào Cồn Cỏ	31	15	13	2	1	1	9	3	2	1		
III	<b>DỰ PHÒNG</b>	6		6				6					
<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>		<b>18.955</b>	<b>1.822</b>	<b>16.824</b>	<b>13.324</b>	<b>2.601</b>	<b>345</b>	<b>554</b>	<b>249</b>	<b>144</b>	<b>105</b>	<b>60</b>	<b>2.197</b>